GÓP PHẦN TÌM HIỂU VỀ XÂY DỰNG BỘ ĐỘI CHỦ LỰC TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP GIAI ĐOẠN 1945-1949

NGUYỄN HÀ HẢI*

Tóm tắt: Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, đặc biệt là bộ đội chủ lực, nhằm tiêu diệt quân chủ lực đối phương, giải phóng đất đai, tạo sự chuyển biến chiến lược có lợi cho ta, tiến tới giành thắng lợi quyết định. Thực hiện chủ trương đó, từ năm 1945 đến năm 1949, mặc dù phải "chiến đấu trong vòng vây", chúng ta đã bước đầu gặt hái nhiều thành công trong xây dựng bộ đội chủ lực. Sự lớn mạnh của bộ đội chủ lực cả về số lượng và chất lượng là cơ sở để tiến hành tác chiến chính quy; đồng thời, tạo đà cho xây dựng và phát triển bộ đội chủ lực trong những năm sau này.

Từ khóa: Cách mạng tháng Tám năm 1945, bộ đội chủ lực, kháng chiến chống thực dân Pháp, lực lượng vũ trang, Quân đội nhân dân Việt Nam.

Abstract: During the resistance war against French colonialism (1945–1954), the Party Central Committee, headed by President Hồ Chí Minh, consistently paid close attention to the development of the three categories of armed forces, especially the main force troops, with the aim of destroying the enemy's regular forces, liberating territory, creating strategic advantages for the resistance, and ultimately securing decisive victory. In implementing this policy, from 1945 to 1949, despite having to "fight under encirclement," Vietnam initially achieved considerable success in building its main force troops. The growth of these troops in both quantity and quality provided the foundation for conducting regular military operations, while also creating momentum for the continued development and expansion of the main force army in subsequent years.

Keywords: August Revolution of 1945; main force troops; resistance war against French colonialism; armed forces; Vietnam People's Army.

Ngày nhận bài: 2/11/2025; Ngày phản biện: 12/12/2025; Ngày duyệt đăng: 5/1/2026.

1. Đặt vấn đề

Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định mô hình tổ chức quân sự đầu tiên của cách mạng Việt Nam là tổ chức ra quân đội công nông để tiến tới xây dựng quân đội cách mạng. Đảng chủ trương từng bước xây dựng lực lượng vũ trang (LLVT) cơ sở, lúc đầu là tự vệ (bán vũ trang), rồi đội du kích thoát ly tập trung, khi hội đủ điều kiện thì quyết định thành lập đội quân chủ lực đầu tiên. Với tinh thần đó, ngày 15-5-1945, tại bãi Thàn Mát, gần cây đa đình làng Quặng, xã Định Biên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu quốc quân và các tổ chức vũ trang khác được hợp nhất thành Việt Nam Giải phóng quân (VNGPQ). Sự ra đời của VNGPQ đánh dấu bước trưởng thành ban đầu của Quân đội nhân dân (QĐND) Việt Nam về quy mô tổ chức, từ phân tán đến tập trung, tạo cơ sở quan trọng để xây dựng bộ đội chủ lực (BĐCL) trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta đã tập trung xây dựng, phát triển BĐCL về mọi mặt. Nhờ đó, trong thời gian từ năm 1945 đến năm 1949, mặc dù phải "chiến đấu trong vòng vây", chúng ta đã xây dựng được lực lượng BĐCL gồm cả bộ binh và một số đơn vị binh chủng làm nòng cốt để tiến hành cuộc chiến tranh

*ThS. Viện Chiến lược và Lịch sử quốc phòng Việt Nam. Email: ha.hai8828@gmail.com

nhân dân, tạo sự chuyển biến về tương quan lực lượng giữa ta và địch, từng bước làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của thực dân Pháp và tay sai, đi đến giành thắng lợi quyết định trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Bài viết tập trung trình bày chủ trương, biện pháp được thực hiện trên các mặt quân sự (tổ chức, biên chế và lực lượng; huấn luyện và đào tạo), chính trị (tổ chức đảng, cơ chế lãnh đạo; giáo dục chính trị, tư tưởng) và bảo đảm hậu cần-kỹ thuật, để xây dựng, phát triển BĐCL trong giai đoạn 1945-1949.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được triển khai trên cơ sở vận dụng phương pháp luận sử học, trong đó hai phương pháp: lịch sử và logic là chủ đạo. Cách tiếp cận này cho phép hệ thống hóa quá trình hình thành, phát triển của bộ đội chủ lực giai đoạn 1945-1949 một cách khách quan, đặt trong bối cảnh cụ thể của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954). Cùng với đó, việc kết hợp kỹ thuật phân tích văn bản và nghiên cứu tài liệu, khai thác nguồn tư liệu gốc từ hệ thống văn kiện Đảng, các sắc lệnh của Chính phủ và chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh giúp làm rõ, minh chứng cho các chủ trương xây dựng bộ đội chủ lực. Đồng thời, phương pháp thống kê và tổng hợp cũng được sử dụng để đánh giá sự biến đổi về quy mô tổ chức, quân số và trang bị kỹ thuật của bộ đội chủ lực qua từng mốc thời gian. Việc phối hợp các phương pháp trên giúp luận giải toàn diện trên các mặt quân sự, chính trị, hậu cần - kỹ thuật, từ đó rút ra kết luận về sự trưởng thành của bộ đội chủ lực nói riêng và Quân đội nhân dân Việt Nam nói chung.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Vài nét về tình hình đất nước sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 và chủ trương xây dựng bộ đội chủ lực đáp ứng yêu cầu mới

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước nhà độc lập chưa được bao lâu đã phải đương đầu với sự chống phá quyết liệt của "thù trong, giặc ngoài". Ở miền Bắc, gần 200.000 quân Trung Hoa Dân quốc, dưới danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật ở Bắc vĩ tuyến 16, mang theo lực lượng phản động, nhằm lật đổ chính quyền cách mạng. Cùng thời gian, ở miền Nam, quân đội Anh đến Sài Gòn, theo sau quân Anh có cả một đơn vị bộ binh của quân viễn chinh Pháp. Với sự giúp sức của quân Anh, ngày 23-9-1945, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Cùng với đó, trên đất nước ta lúc này, có khoảng hơn 80.000 quân Nhật Bản, sẵn sàng theo lệnh quân Đồng minh chống cách mạng Việt Nam. Cách mạng vừa thành công, chính quyền non trẻ chưa được củng cố. Quân đội Nhà nước chưa được xây dựng, phát triển. Lực lượng vũ trang chỉ có 5.000 VNGPQ và vài chục nghìn tự vệ, trình độ chiến thuật, kỹ thuật, kinh nghiệm chiến đấu còn non yếu, vũ khí thô sơ. Ngân khố hầu như trống rỗng; nạn đói do thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra vẫn đe dọa nhân dân cả nước. Trong quan hệ quốc tế, Việt Nam bị đế quốc, thực dân bao vây, chưa có quốc gia, tổ chức quốc tế nào công nhận Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Vận mệnh của đất nước thời gian này được ví như "ngàn cân treo sợi tóc".

Từ tình hình trên, đặt ra yêu cầu bức thiết phải nhanh chóng xây dựng, củng cố chính quyền mới về mọi mặt; đồng thời, tập trung phát triển LLVT, trong đó nòng cốt là BĐCL, sẵn sàng cho nhiệm vụ bảo vệ thành quả cách mạng và chuẩn bị về thế và lực cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược. Từ ngày 10 đến ngày 11-9-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị cán bộ Bắc Kỳ, ra Nghị quyết, trong đó nêu rõ: "Phải dùng các hình thức tuyên truyền vận động để nâng cao trình độ tinh thần của quân đội về mọi phương diện. Mở lớp huấn luyện tại chỗ về quân sự và chính trị" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, 8: 10). Giữa tháng 9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị đổi tên

VNGPQ thành Vệ quốc đoàn. Tại Nam Bộ, ngày 20-10-1945, Hội nghị quân sự Nam Bộ được triệu tập tại An Phú Xã (Gia Định), bàn việc thống nhất lực lượng và tổ chức lại bộ đội gọi là Giải phóng quân, phát động chiến tranh du kích, xây dựng đoàn kết quân dân. Tiếp đó, ngày 25-10-1945, Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ họp tại Thiên Hộ (Cái Bè-Mỹ Tho) đã nhấn mạnh việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, củng cố các đơn vị vũ trang đã có, tích cực xây dựng thêm nhiều đơn vị mới. Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định dành phần lớn số tiền, vàng quyên góp được trong Tuần lễ vàng (từ ngày 17 đến ngày 24-9-1945) để mua sắm vũ khí, xây dựng LLVT. Trong tháng 11-1945, Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị cán bộ phụ trách về Đảng trong Vệ quốc đoàn, bàn việc liên lạc và xây dựng nhanh chóng hệ thống tổ chức Đảng trong quân đội để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu của các đơn vị bộ đội. Từ những chủ trương trên, công tác xây dựng BĐCL được triển khai toàn diện, trên các mặt quân sự, chính trị và bảo đảm hậu cần-kỹ thuật.

3.2. Triển khai xây dựng và phát triển bộ đội chủ lực

3.2.1. Xây dựng về quân sự

Về tổ chức, biên chế và lực lượng: Tháng 10-1945, Bộ Tổng tham mưu (BTTM) tổ chức hội nghị thống nhất đề nghị về tổ chức, biên chế của các đơn vị Vệ quốc đoàn theo hệ thống "tam tam chế", mỗi phân đội (tức trung đội), có 3 tiểu đội, mỗi tiểu đội 12 người; mỗi trung đội (tương đương đại đội) có 3 phân đội (hay trung đội). Mỗi trung đoàn có 3 đại đội (tương đương 3 tiểu đoàn) (Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2015, 3: 247). Ngày 22-5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 71/SL ấn định Quy tắc Quân đội quốc gia. Sắc lệnh quy định "Vệ quốc đoàn chính thức trở thành Quân đội của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa". Kèm theo Sắc lệnh có bản "Quy tắc Quân đội quốc gia Việt Nam". Về tổ chức, bản Quy tắc qui định biên chế từ tiểu đội đến trung đội, đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn, đại đoàn, liên đoàn, tập đoàn của bộ binh; các đơn vị chuyên môn và hỏa lực trợ chiến. Sắc lệnh số 71/SL đặt những cơ sở đầu tiên có tính nền tảng cho việc xây dựng quân đội chính quy. Theo Sắc lệnh 71/SL, các chi đội Vệ quốc đoàn ở Bắc Bộ và Trung Bộ cải tổ thành các trung đoàn và tiểu đoàn độc lập. Riêng Nam Bộ, do chưa có điều kiện để cải tổ các chi đội Vệ quốc đoàn thành trung đoàn nên vẫn giữ tên chi đội. Cho tới đầu năm 1946, trên cơ sở các trung đoàn, ở Bắc Bộ đã tổ chức thành lập 2 đại đoàn 1 và 2. Nam Trung Bộ tổ chức được 3 đại đoàn 23, 28 và 31. Tuy nhiên, trải qua thực tế cho thấy hiệu quả đánh tập trung của các đại đoàn không cao, việc tổ chức các đại đoàn còn nặng nề, cồng kềnh, chưa phù hợp với điều kiện chỉ huy tác chiến và bảo đảm hậu cần khi đó. Vì thế, các đại đoàn này chỉ tồn tại đến tháng 11-1946 thì giải thể (Bộ Quốc phòng-Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2019, 10: 193).

Cùng với các đơn vị bộ binh, Trung ương Đảng, Bộ Quốc phòng cũng rất quan tâm tới xây dựng các đơn vị binh chủng. Ngày 9-9-1945, Phòng Thông tin liên lạc quân sự thuộc BTTM được thành lập. Ngày 29-6-1946, BTTM thành lập 3 trung đội pháo đài Láng, Xuân Tảo, Xuân Canh. Tháng 9-1946, thành lập Trung đội pháo đài Thủ Khối. Đến tháng 11-1946, thành lập Đại đội pháo binh Thủ đô, thống nhất chỉ huy 4 trung đội pháo đài. Toàn đại đội có 7 khẩu pháo 75mm (Bộ Quốc phòng-Bộ Tư lệnh Pháo binh-Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2004: 9). Bộ Quốc phòng cũng triển khai bộ phận nghiên cứu không quân, hải quân, tạo cơ sở ban đầu cho sự ra đời của hai quân chủng kỹ thuật của Quân đội nhân dân Việt Nam. Về lực lượng, đến tháng 12-1946, quân số Vệ quốc đoàn trong cả nước có khoảng 85.000 người, gồm 27 trung đoàn ở miền Bắc, 25 chi đội ở miền Nam, tăng 70% so với cuối năm 1945 (Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ Tổng Tham mưu, 2015: 90).

Tháng 3-1948, BTTM ra Chỉ thị cho các khu khẩn trương kiện toàn BĐCL. Mỗi liên khu xây dựng 1 trung đoàn chủ lực gồm 3 tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn tổ chức thành 3 đại đội và 1 đại đội trợ chiến. Các trung đoàn chủ lực của liên khu tác chiến đánh địch trong phạm vi từ 1 đến 2 tỉnh. Đến giữa năm 1948, tổng quân số BĐCL tăng 17% so với cuối năm 1947. Chủ lực Bộ có 2 trung đoàn. Mỗi liên khu từ Nam Trung Bộ trở ra có 1 trung đoàn chủ lực hoặc ít nhất 1 tiểu đoàn mạnh. Trước yêu cầu của chiến thuật công đồn diệt cứ điểm nhỏ và theo kế hoạch chung, mỗi trung đoàn chủ lực xây dựng 1 đại đội bộ binh xung kích, 1 đại đội công binh xung kích trang bị vũ khí mạnh.

Đến cuối năm 1949, các trung đoàn chủ lực của Bộ Tổng tư lệnh được kiện toàn. Các liên khu cơ bản đạt kế hoạch xây dựng lực lượng theo hướng dẫn và chỉ đạo rút kinh nghiệm của BTTM. Các đại đoàn và trung đoàn chủ lực của liên khu đều xây dựng các đơn vị thông tin, công binh, pháo binh. Sau thời gian chuẩn bị (Nghị định thành lập Đại đoàn 308 đã ký từ tháng 4; việc bổ nhiệm cán bộ chỉ huy cũng được quyết định từ tháng 6-1949), ngày 28-8-1949, lễ thành lập Đại đoàn Bộ binh 308 được tổ chức trọng thể tại thị trấn Đồn Đu, huyện Hợp Thành (nay là Phú Lương). Sự ra đời của Đại đoàn 308 đã ghi một dấu mốc quan trọng như Đại tướng Võ Nguyên Giáp đánh giá: "Chúng ta đã đi được một bước lớn đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng bộ đội chủ lực" (Trần Trọng Trung, 2011: 382).

Về huấn luyện, đào tạo: Ngày 25-6-1945, Trường Quân chính kháng Nhật khai giảng khóa đầu tiên tại Chiến khu Việt Bắc. Khóa đầu tiên đào tạo được 82 cán bộ (Bộ Tổng tham mưu - Cục Nhà trường, 2011: 22). Đến tháng 9-1945, Trường Quân chính kháng Nhật đổi tên thành Trường Quân chính Việt Nam. Đáp ứng yêu cầu huấn luyện, đào tạo cán bộ, Trường Quân chính Việt Nam mở tiếp khóa thứ 4. Sau khóa 4, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị đổi tên thành Trường Huấn luyện cán bộ Việt Nam (10-1945), mở tiếp các khóa 5, 6, 7. Tổng cộng trong 4 khóa, từ tháng 9-1945 đến tháng 3-1946, trường đào tạo được 1.070 cán bộ chính trị, quân sự cho các đơn vị Vệ quốc đoàn. Trên cả nước, nhiều trường đào đạo cán bộ được thành lập ở các địa phương, như: Trường Quân chính Chiến khu 7 (12-1945); Trường Quân chính Bắc Sơn (3-1946); Trường Lục quân Trung học Quảng Ngãi (3-1946)… Cũng trong khoảng thời gian này, Trường Quân chính Xứ ủy Trung Kỳ được thành lập tại Thành phố Huế, có nhiệm vụ đào tạo cán bộ quân sự, chính trị cấp trung đội, đại đội cho các đơn vị ở khu vực miền Trung. Trường Quân chính Nam Bộ (còn gọi là Trường Quân chính Quang Trung), đào tạo cán bộ tiểu đội trưởng, trung đội trưởng, khai giảng khóa 1 (10-11-1945) tại huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (Bộ Tổng Tham mưu - Cục Nhà trường, 2011: 22).

Trong khoảng 10 tháng (từ tháng 6-1945 đến tháng 3-1946), các trường quân chính đã đào tạo hàng nghìn cán bộ; riêng Trường Quân chính Việt Nam đã mở 7 khóa học, đào tạo trên 1.500 cán bộ quân sự và chính trị cấp đại đội, trung đội (Bộ Quốc phòng-Trường Sĩ quan Lục quân 1, 2025: 43). Đến cuối năm 1946, tuy trình độ và chất lượng chưa đồng đều, nhưng các trường đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ vừa nắm chắc kiến thức quân sự, vừa có bản lĩnh chính trị vững vàng. Học viên sau đào tạo được điều động về địa phương làm nòng cốt xây dựng các đơn vị Vệ quốc đoàn; kịp thời bổ sung cho các đơn vị cơ sở trước khi cuộc kháng chiến bùng nổ trên cả nước (12-1946).

Công tác đào tạo cán bộ thời gian này được Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Các đồng chí có kinh nghiệm, đã qua đào tạo tại Trường Quân sự Quảng Tây,

Hoàng Phố được cử làm chỉ huy trưởng hoặc đảm nhận phụ trách lớp, cán bộ khung như: Hoàng Văn Thái, Thanh Phong, Trương Văn Lĩnh… Về tài liệu học tập do Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp trực tiếp biên soạn như: *Cách đánh du kích, Chiến thuật du kích, Công tác của người chính trị chỉ đạo viên* (Tạ Thị Nghĩa Thục, 2023: 15). Về nội dung huấn luyện, bộ đội thường xuyên luyện tập hành quân và giữ bí mật. Các đơn vị căn cứ vào địa hình trú quân để rèn cho bộ đội những động tác cá nhân chiến đấu, động tác xung phong, bắn, ném lựu đạn; "đề cao tinh thần đánh xung phong, tiêu diệt nhanh chóng, cướp vũ khí địch, bắt sống tù binh địch" (Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam-Viện Lịch sử quân sự, 2024: 265).

Trong tháng 9-1947, Bộ Quốc phòng tổ chức hội nghị nghiên cứu chiến dịch, chiến thuật toàn quân, tập trung bàn về cách đánh, đặc biệt là cách đánh kỳ tập, cường tập, kỹ thuật bắn máy bay bằng các loại vũ khí sẵn có; coi chiến dịch là một loạt trận chiến đấu với binh lực cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định, giải quyết một số mục đích, yêu cầu chiến đấu (Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2015: 318). Ngày 21-5-1949, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị mở cuộc vận động "Rèn luyện cán bộ, chấn chỉnh quân đội". Thực hiện chỉ thị, Tổng Chính ủy (từ tháng 10-1948, Trung ương Quân ủy đổi tên thành Tổng Chính ủy) mở cuộc vận động "Rèn luyện đảng viên, chấn chỉnh tổ chức" và "Rèn luyện cán bộ, mở rộng dân chủ, đề cao kỷ luật". Thông qua tập huấn, rèn luyện, trình độ chỉ huy tác chiến của cán bộ được nâng lên, bước đầu đáp ứng yêu cầu đề ra: Cán bộ tiểu đoàn chủ lực chỉ huy đánh tập trung được tiểu đoàn và cán bộ trung đoàn chủ lực đánh tập trung được từ 2 tiểu đoàn trở lên (Quân đội nhân dân Việt Nam-Bộ Tổng tham mưu, 2015: 216).

3.2.2. Xây dựng về chính trị

Về tổ chức đảng, cơ chế lãnh đạo: Tháng 11-1945, Hội nghị các đồng chí phụ trách Vệ quốc đoàn được triệu tập để bàn việc liên lạc và tổ chức hệ thống Đảng trong quân đội. Các đảng bộ địa phương nhanh chóng tổ chức chi bộ Đảng trong các đơn vị. Mỗi chi đội có 1 chi bộ từ 3 đảng viên trở lên trực thuộc cấp ủy địa phương. Tháng 1-1946, Trung ương Đảng quyết định thành lập Trung ương Quân ủy-cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng trong quân đội. Hệ thống chính trị viên trong BĐCL cũng được kiện toàn theo Sắc lệnh 71/SL, ngày 22-5-1946 với chức trách được qui định rõ trong Điều 37: "Chính trị viên ở mỗi đơn vị có trách nhiệm giúp người chỉ huy đơn vị ấy bàn định mọi việc nhưng không trực tiếp chỉ huy và không chịu trách nhiệm về quân sự; nhưng về những việc có tính cách chính trị thì cấp chỉ huy phải thoả thuận với chính trị viên" (Chính phủ, 1946). Sắc lệnh 71/SL là văn kiện đặt cơ sở pháp lý cho việc xác định cơ chế lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với BĐCL.

Về hệ thống tổ chức Đảng trong BĐCL được Nghị quyết Hội nghị Quân sự toàn quốc của Đảng (19-10-1946) chỉ rõ: Mỗi đại đội hay một cơ quan từ tiểu đoàn bộ trở lên sẽ tổ chức một chi bộ. Trong hai tháng, những đại đội nào chưa có chi bộ phải tổ chức xong, những đại đội nào có chi bộ rồi phải phát triển xuống trung đội, mỗi trung đội một tổ. Quy định rõ chế độ chính trị viên và các cơ quan chính trị trong bộ đội theo hệ thống dọc và ngang. Hệ thống dọc là hệ thống chính, còn ngang là để giải quyết vấn đề địa phương. Ngày 22-11-1946, Trung ương Đảng quyết định thành lập hệ thống Khu ủy, Trung đoàn ủy. Giúp việc cho Khu ủy có Ủy ban chính trị, Ủy ban quân sự, Ủy ban đảng vụ. Cấp trung đoàn có Ủy viên phụ trách chính trị, Ủy viên phụ trách quân sự và Ủy viên phụ trách nội bộ. Việc phát triển đảng viên mới được tiến hành tích cực. Đến

cuối năm 1946, đã có gần 8.000 đảng viên chính thức và dự bị (Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam-Viện Lịch sử quân sự, 2024, 1: 216).

Từ năm 1946 đến tháng 10-1948, thực hiện chế độ Đảng lãnh đạo quân đội thông qua hệ thống Đảng dọc và ngang; trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ủy các cấp, ở các đơn vị thực hiện chế độ song quyền giữa người chỉ huy và chính trị viên (Hoàng Văn Vân, 2011: 32-33). Tháng 10-1948, Thường vụ Trung ương Đảng ra Nghị quyết: Bỏ hệ thống cấp ủy đảng trong quân đội, lập chế độ Chính trị uỷ viên đại diện Đảng phụ trách trong quân đội. Từ tháng 11-1948, các đơn vị thành lập chế độ chính ủy tối hậu quyết định từ toàn quân đến cấp trung đoàn, riêng Nam Bộ mới thực hiện ở cấp quân khu. Đến năm 1949, cơ chế mới của Đảng lãnh đạo quân đội được tổ chức thực hiện trong toàn quân (Chế độ chính ủy tối hậu quyết định khi triển khai rộng cũng dần bộc lộ những hạn chế và được điều chỉnh ở thời gian sau này).

Về giáo dục chính trị, tư tưởng: Trong thời gian từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1946, nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cho BĐCL trước tiên là xây dựng mục tiêu, lý tưởng và quyết tâm chiến đấu; làm cho cán bộ, chiến sĩ có giác ngộ chính trị đúng đắn, trung thành tuyệt đối với Đảng, chấp hành nghiêm kỷ luật. Các cuộc sinh hoạt chính trị rất phong phú. Qua sinh hoạt chính trị, cán bộ, chiến sĩ nắm rõ đường lối, chủ trương của Đảng, tạo sự đoàn kết, nhất trí trong nội bộ Vệ quốc đoàn. Đây là những cơ sở quan trọng tạo nên bản chất và truyền thống tốt đẹp của cán bộ, chiến sĩ trong quân đội ngay từ những năm đầu cách mạng thành công và cho tới mãi sau này.

Vấn đề đời sống chính trị tinh thần của bộ đội cũng được các cấp lãnh đạo, chỉ huy rất quan tâm. Theo đó, ngày 30-5-1946, báo *Sao Vàng* - tờ báo của quân đội ra đời. Trên số 1, xã luận "Sao vàng" chỉ rõ: "Sao vàng là dấu hiệu của quân Việt Nam. Sao vàng vạch rõ nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trước mắt. Nó muốn cùng anh em nâng cao tinh thần và tư cách của mình để xứng đáng quân đội cách mạng" (Tổng cục Chính trị-Báo Quân đội nhân dân, 2010: 20). Liên tiếp trên nhiều số, báo *Sao vàng* đã đưa nhiều tin tức nóng hổi về hoạt động chiến đấu, phục vụ chiến đấu, kêu gọi bộ đội ta đoàn kết với nhân dân, tranh thủ thời gian, củng cố chính quyền, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, xây dựng lực lượng. Báo *Sao Vàng* đã làm tròn nhiệm vụ trong tình hình đất nước có nhiều biến động, góp phần "quan trọng xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần và giáo dục, huấn luyện BĐCL" (Nguyễn Hà Hải, 2026: 36).

Sau Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ 3 (6-1947), hầu hết các đơn vị đều tổ chức cho bộ đội học văn kiện "10 điều kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh và tài liệu "44 câu hỏi về kháng chiến" của Cục Chính trị, học thuộc lòng "12 điều kỷ luật dân vận", "10 lời thề danh dự" và "15 điều bí mật quân sự". Vào buổi sáng, các đơn vị tổ chức đọc "10 lời thề danh dự", "12 điều kỷ luật dân vận" và "15 điều bí mật quân sự". Năm 1948, nội dung giáo dục bộ đội hướng vào giáo dục cho quân nhân nhận thức mục đích, ý nghĩa phong trào mở rộng dân chủ, xây dựng nền nếp, quân phong, quân kỷ; nêu cao vai trò người quân nhân cách mạng; đồng thời, giáo dục lòng căm thù giặc sâu sắc. Đặc biệt chú ý giáo dục tinh thần kỷ luật, chống tư tưởng sai lầm, thoái thác nhiệm vụ. Tháng 1-1949, diễn ra Hội nghị bí thư chi bộ-chính trị viên đại đội. Tại Hội nghị, Tổng Chính ủy phát động phong trào "Chỉnh đốn tác phong, rèn luyện đảng tính, giai cấp tính". Cuộc vận động góp phần thiết thực nâng cao tác phong công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các đơn vị BĐCL.

3.2.3. Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật

Bảo đảm hậu cần: Tháng 9-1945, Ủy ban binh lương - cơ quan giúp việc cho Trung ương Đảng và Chính phủ về bảo đảm ăn mặc cho bộ đội được thành lập. Bộ chỉ huy các chiến khu đều tổ chức Phòng Quân nhu-Tài chính lo việc

nuôi dưỡng bộ đội. Trong các đơn vị BĐCL, mỗi chi đội, trung đoàn, tiểu đoàn có Ban Quản trị; ở đại đội, trung đội có quản lý, cấp dưỡng dưới quyền chỉ huy của Quản trị trưởng. Khắp các địa phương, mặc dù còn nhiều thiếu thốn, nhân dân đã noi gương Chủ tịch Hồ Chí Minh tích cực hưởng ứng phong trào tăng gia sản xuất, nhường cơm sẻ áo giúp đỡ chiến sĩ. "Bộ đội đóng quân ở nơi nào do nơi ấy đảm nhiệm việc cung cấp. Hội Phụ nữ cứu quốc đã đóng góp một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc chiến sĩ" (Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam, Viện Lịch sử quân sự, 2024, 1: 181).

Tháng 3-1946, Cục Quân nhu được thành lập. Các xưởng may, xưởng làm giày được tổ chức. Các đoàn thể cứu quốc hưởng ứng cuộc vận động "Mùa đông binh sĩ". Áo trấn thủ ra đời trong thời gian này và đã gắn bó với cán bộ, chiến sĩ trong suốt những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và cho tới mãi sau này. Ngành Quân y được thành lập. Nhiều bác sĩ, dược sĩ được điều động vào phục vụ tại các đơn vị BĐCL. Ngày 18-11-1946, Bộ Quốc phòng ra qui định về phụ cấp, cấp bậc và thâm niên cho quân nhân. Bộ đội được cấp tiền ăn tối thiểu, tiền công tác phí và phụ cấp tiêu vặt (mỗi quân nhân được cấp 180 đồng tiền ăn và 5 đồng phụ cấp tiêu vặt mỗi tháng). Qui định đánh dấu thêm một bước đảm bảo hoàn thiện chế độ, chính sách cho BĐCL (Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2015, 3: 288).

Ngày 16-2-1947, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 20/SL, đặt chế độ thương tật cho thương binh. Ngày 26-2-1947, Chính phủ ban hành Nghị định số 240/NĐ lập Phòng Thương binh ở Chính trị Cục (sau này là Tổng cục Chính trị), Ban Thương binh Khu chuyên trách giúp theo dõi, chỉ đạo công tác thương binh, liệt sĩ trong LLVT. Ngày 22-3-1947, Bộ Quốc phòng ra Nghị định số 258/NĐ về tổ chức của Cục Quân nhu. Ngày 28-4-1947, Bộ Quốc phòng ra nghị định chấn chỉnh tổ chức Cục Quân y. Cuối năm 1947, Chính phủ ra sắc lệnh thành lập hệ thống công tác thương binh, tử sĩ của Nhà nước. Theo đó, quyết định của Chính phủ, Phòng Thương binh thuộc Chính trị, Ban Thương binh ở Khu được điều động sang làm nòng cốt của Bộ Thương binh-Cựu binh.

Ngày 19-11-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 259/SL qui định sinh hoạt phí phụ cấp hằng tháng và phụ cấp thâm niên của quân đội theo cấp bậc. Qui định tiền ăn của bộ đội tối thiểu 6 đồng/1 ngày không phân biệt cấp bậc, chức vụ, không tính theo tháng như trước. Ở những vùng đất đỏ và tiếp tế khó khăn, Bộ Tư lệnh các liên khu có thể đề nghị tăng thêm. Tiền phụ cấp tiêu vặt từ mức 6 đồng/người/tháng được qui định cụ thể bằng phụ cấp theo cấp bậc: Chiến sĩ từ 30 đến 40 đồng, những quân nhân đã ở trong bộ đội từ 3 năm trở lên được tính hằng tháng một số tiền phụ cấp là 30 đồng/tháng và cứ 2 năm tiếp theo thì thêm được 30 đồng/tháng đối với tất cả mọi quân nhân (Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2010: 217). Hội nghị cán bộ Đảng lần thứ 6 (1-1949), đặt ra yêu cầu cải tiến việc trang bị cấp dưỡng. Từ đầu năm 1949, các trung đoàn đều được biên chế Ban Quân nhu-Tài chính, Ban Quân y (có trạm giải phẫu và bệnh xá) trực thuộc chỉ huy.

Bảo đảm kỹ thuật: Ngày 15-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra sắc lệnh thành lập Phòng Quân giới thuộc Bộ Quốc phòng. Người trực tiếp giao nhiệm vụ cho đồng chí Vũ Anh phụ trách chung và đồng chí Nguyễn Ngọc Xuân-Chánh phòng Quân giới chỉ dẫn việc tổ chức sản xuất và mua sắm vũ khí cho quân đội. Nhiệm vụ chính là: Thu thập, mua sắm và tổ chức sản xuất vũ khí để trang bị cho quân đội. Tại Nam Bộ, ngoài việc tự mua sắm vũ khí (gậy tầm vông, giáo, mác, lựu đạn, súng trường…)

và mua đổi, cướp của giặc, hầu hết các chi đội Giải phóng quân đều thành lập các tổ, ban "rờ-sạc" tại các xưởng vũ khí. Ngày 17-9-1945, Chính phủ tổ chức Tuần lễ vàng để quyên góp nhằm vào việc "cần cấp và quan trọng nhất của chúng ta lúc này là việc quốc phòng" (Hồ Chí Minh, 2010: 217). Chính phủ dùng phần lớn số vàng quyên góp được mua súng của quân Trung Hoa Dân quốc và quân Nhật để bổ sung nguồn vũ khí. Trung ương Đảng, Chính phủ và nhân dân đặc biệt quan tâm tới cải tiến một bước trang bị, nhằm tăng thêm sức chiến đấu của bộ đội. Tuy vậy, "vũ khí còn ít và kém. Giáo mác nhiều hơn súng đạn. Mỗi trung đội (tức đại đội sau này) chỉ có vài chục súng trường cũ kỹ đủ các loại. Các loại của Pháp kiểu 1888-1893, có thứ sản xuất từ thời Nga hoàng" (Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam-Viện Lịch sử quân sự, 2024, 1: 180).

Tháng 5-1946, Cục Chế tạo Quân giới được thành lập. Các trường kỹ nghệ, các xưởng cơ khí của thực dân Pháp trước đây được chuyển thành xưởng quân giới. Ban đầu, công nhân quân giới cùng một số trí thức yêu nước phát huy trí sáng tạo, tinh thần khắc phục khó khăn, đã sửa chữa các loại súng và pháo hư hỏng, sản xuất đạn và lựu đạn. Sau một thời gian ngắn, quân giới đã bắt đầu sản xuất một số vũ khí như tiểu liên Sten, bom ba càng, badôca… trang bị cho BĐCL. Nhờ đó, tới cuối năm 1947, mỗi tiểu đoàn trung bình có 150 súng trường với chừng 30 viên đạn mỗi khẩu, 1-2 đại liên, 5-7 trung liên, 1-2 súng cối 60mm. Mặc dù vậy, trang bị cho các đơn vị BĐCL vẫn còn rất hạn chế. Số đơn vị được trang bị súng máy 13,2mm, 12,7mm và súng cối 81 mm không nhiều. Trung đoàn 308, gọi là trung đoàn mạnh, cũng chỉ trang bị đủ cho 41% quân số. Riêng Trung đoàn 15 (bảo vệ cơ quan Trung ương) được trang bị khá nhất, đạt 90% quân số (Trần Trọng Trung, 2011: 354).

Tháng 1-1949, Hội nghị cán bộ Đảng lần thứ 6 chỉ ra sự sản xuất vũ khí cần đi đôi với nhu cầu về kỹ thuật; bên cạnh những vũ khí hiện đã chế tạo được cần nỗ lực tiến bộ nữa trong việc sáng chế vũ khí tối tân. Cuối tháng 5-1949, sau thời gian nghiên cứu, thử nghiệm, súng đạn SKZ được hoàn thiện và tổ chức bắn thử thành công tại thành cổ Tuyên Quang. Về tổ chức sản xuất vũ khí, tại Hội nghị Cục trưởng và Giám đốc Nha Quân giới mở cuộc vận động "Rèn luyện cán bộ, chấn chỉnh cơ quan" (6-1949), Thiếu tướng Hoàng Văn Thái-Tổng Tham mưu trưởng trực tiếp giao nhiệm vụ cho Ngành Quân giới tập trung sản xuất vũ khí công đồn và giao thông.

Tại Nam Bộ, nguồn cung cấp vũ khí chủ yếu do các binh công xưởng tự sản xuất và cướp của địch. Tháng 8-1949, Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ họp bàn, nhấn mạnh: Quân giới trực thuộc Bộ Tư lệnh Nam Bộ phải có xưởng chủ lực để sản xuất các loại vũ khí hạng nặng cung cấp cho BĐCL; đồng thời, sản xuất các máy công cụ như máy tiện, máy dập cung cấp cho các khu. Thực hiện chủ trương trên, cho đến tháng 12-1949, quân giới Nam Bộ sản xuất được về cơ bản những chủng loại vũ khí mà quân giới Bắc Bộ đã sản xuất để cung cấp cho các đơn vị BĐCL.

4. Kết luận

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời đã phải đối mặt với muôn vàn khó khăn. Khó khăn lớn nhất chính là âm mưu của thực dân Pháp muốn quay trở lại xâm lược Việt Nam lần nữa. Đối mặt với xâm lược với đội quân nhà nghề, Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm xây dựng LLVT ba thứ quân mà nòng cốt là BĐCL.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh chính quyền cách mạng mới thành lập, đất nước bốn bề bị bao vây, khó khăn chồng chất nên việc này đặt ra một loạt vấn đề bức thiết: Cán bộ, vũ khí, hậu cần, kỹ thuật, lương thực… Thực hiện chủ trương của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong giai đoạn 1945-1949, mặc dù còn rất nhiều khó khăn, chúng ta

vừa củng cố các đơn vị chủ lực; đồng thời, tổ chức, củng cố và xây dựng thêm nhiều đơn vị mới, cả lực lượng bộ binh và các binh chủng; trên các phương diện: Quân sự, chính trị, hậu cần-kỹ thuật, tạo cơ sở vững chắc để quân và dân ta bảo vệ thành quả cách mạng.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, BĐCL ngày càng được xây dựng, phát triển về số lượng và chất lượng. Năm 1949, sự ra đời của Đại đoàn 308-Đại đoàn bộ binh chủ lực đầu tiên đã đánh dấu bước phát triển cao nhất về qui mô tổ chức quân sự trong kháng chiến chống thực dân Pháp. BĐCL có sự phát triển đã phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt cho toàn dân kháng chiến đánh bại chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp, buộc chúng phải thay đổi chiến lược mới; góp phần đưa cuộc kháng chiến sang giai đoạn mới, giai đoạn phản công tiêu diệt kẻ thù, đi đến kết thúc chiến tranh.

Tài liệu tham khảo

Bộ Quốc phòng - Bộ Tư lệnh Pháo binh - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. (2004). *Lịch sử Ngành Hậu cần pháo binh Quân đội nhân dân Việt Nam (1946-2001)*. Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân.

Bộ Quốc phòng - Trường Sĩ quan Lục quân 1. (2025). *Lịch sử Trường Sĩ quan Lục quân 1 (1945-2025)*. Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân.

Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. (2015). *Lịch sử tổ chức quân sự Việt Nam* (Tập 3: 1930-1954). Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân.

Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. (2019). *Lịch sử quân sự Việt Nam* (Tập 10: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954). Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. (2010). *Lịch sử Hậu cần - Kỹ thuật quân sự Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*. Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân.

Bộ Tổng Tham mưu - Cục Nhà trường. (1995). *Tư liệu lịch sử quá trình phát triển hệ thống nhà trường lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam (1945-1990)*. Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân.

Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam - Viện Lịch sử quân sự. (2024). *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam* (Tập 1: 1944-1954). Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân.

Chính phủ Việt Nam. (1946). *Trích lục Sắc lệnh số 71 ngày 22/5/1946 ấn định quy tắc Quân đội quốc gia*. Nguồn: Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2000). *Văn kiện Đảng toàn tập* (Tập 8: 1945-1947). Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập* (Tập 4: 1945-1946). Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

Hoàng Văn Vân. (2011). *Đảng lãnh đạo xây dựng bộ đội chủ lực từ năm 1945 đến năm 1954*. Luận văn Thạc sĩ Lịch sử. Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng

Nguyễn Hà Hải. (2025). Báo chí Quân đội góp phần xây dựng bộ đội chủ lực (1944-1954). *Tạp chí Lịch sử quân sự*. Số 6.

Quân đội nhân dân Việt Nam - Bộ Tổng Tham mưu. (2015). *Lịch sử Bộ Tổng Tham mưu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*. Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân.

Tạ Thị Nghĩa Thục. (2023). Đào tạo cán bộ Quân đội trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954). *Tạp chí Lịch sử quân sự*. Số 8.

Tổng cục Chính trị - Báo Quân đội nhân dân. (2010). *Lịch sử báo Quân đội nhân dân (1950-2010)*. Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân.

Trần Trọng Trung. (2011). *Bộ Tổng Tham mưu những năm chiến đấu trong vòng vây*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.